

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Lâm nghiệp; Chuyên ngành: Bảo quản, chế biến nông lâm sản

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Tăng Thị Kim Hồng

2. Ngày tháng năm sinh: 30/5/1969; Nam ☐ ; Nữ ☒ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: Thị trấn Long Thành, Long Thành, Đồng Nai

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 159, Đường Hà Đặc, KP18, Phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ : 25/12 Đường 17, KP17, Phường Linh Trung, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại di động: 0909687928 ; E-mail: tangkimhong@hcmuaf.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm 1993 đến năm 1997: Chuyên viên phòng kỹ thuật, Trưởng phân xưởng Xử lý bảo quản và sấy gỗ, Công ty Chế biến gỗ và xuất khẩu THAMYFA.

- Từ tháng 10 năm 1998 đến tháng 5 năm 2002: Học tiếng Đức và Thạc sĩ tại Đại học Göttingen, CHLB Đức.

- Từ tháng 5 năm 2004 đến tháng 9 năm 2007: Giảng viên Bộ môn Chế biến Lâm sản, Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm TPHCM.

- Từ tháng 10 năm 2007 đến tháng 9 năm 2013: Nghiên cứu sinh tại Đại học Hamburg, CHLB Đức.

- Từ tháng 02 năm 2014 đến tháng 10 năm 2015: Giảng viên Bộ môn Chế biến Lâm sản, Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm TPHCM.

- Từ tháng 11 năm 2015 đến tháng 6 năm 2020: Giảng viên Bộ môn Chế biến Lâm sản, Khoa Lâm nghiệp, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao Kỹ thuật Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm TPHCM.

- Từ tháng 7 năm 2020 đến tháng 02 năm 2021: Giảng viên, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao Kỹ thuật Lâm nghiệp, và kiêm nhiệm Trưởng Bộ môn Chế biến Lâm sản, Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm TPHCM.

- Từ tháng 3 năm 2021 đến nay: Giảng viên, Trưởng Khoa Lâm nghiệp, và kiêm nhiệm Trưởng Bộ môn Kỹ nghệ Gỗ và Công nghệ Giấy, Trường Đại học Nông Lâm TPHCM.

- Chức vụ hiện nay: Trưởng Khoa Lâm nghiệp, Trưởng Bộ môn Kỹ nghệ Gỗ và Công nghệ Giấy, Trường Đại học Nông Lâm TPHCM.

- Chức vụ cao nhất đã qua: Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao Kỹ thuật Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm TPHCM.

- Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Nông Lâm TPHCM

Địa chỉ cơ quan: Khu phố 22, Linh Trung, Thủ Đức, TPHCM

Điện thoại cơ quan: 02838974606, ĐT cá nhân: 0909687928

E-mail cơ quan: kln@hcmuaf.edu.vn

E-mail cá nhân: tangkimhong@hcmuaf.edu.vn

8. Đã nghỉ hưu: Chưa.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngày 21 tháng 3 năm 1993; Số văn bằng: A40534; ngành: Chế biến gỗ; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Nông Lâm TPHCM, Việt Nam.

- Được cấp bằng tốt nghiệp ThS ngày 25 tháng 5 năm 2002; ngành: Lâm nghiệp nhiệt đới; Luận văn ThS: “Nghiên cứu khả năng sản xuất và ứng dụng ván dăm tại Việt Nam”; Nơi cấp bằng ThS: Đại học Göttingen, CHLB Đức.

- Được cấp bằng tốt nghiệp TS ngày 25 tháng 9 năm 2013; ngành: Khoa học tự nhiên; Luận án TS: “Công nghệ xử lý bảo quản và sấy một số loài tre thương mại của Việt Nam”; Nơi cấp bằng TS: Đại học Hamburg, CHLB Đức.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở:

Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành:

Nông nghiệp - Lâm nghiệp

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Xử lý bảo quản và biến tính gỗ và tre theo hướng hiệu quả kinh tế và thân thiện với môi trường.
- Phát triển vật liệu sinh học và vật liệu composite từ phụ phẩm nông lâm nghiệp, tre và gỗ rừng trồng.
- Chế biến và phát triển chuỗi cung ứng nông lâm sản hợp pháp, bền vững và phát thải thấp.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS. Hiện đang hướng dẫn 01 NCS.
- Đã hướng dẫn 08 HVCH bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ.
- Đã hoàn thành: Chủ nhiệm 03 đề tài cấp cơ sở và thành viên chính 01 đề tài cấp cơ sở Trường Đại học Nông Lâm TPHCM; đồng chủ nhiệm 01 đề tài và thành viên chính 01 đề tài cấp Sở Khoa học và Công nghệ TPHCM; chủ nhiệm 07 đề tài hợp tác quốc tế.
- Đã công bố 44 bài báo khoa học, trong đó 12 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín và 02 bài báo có phản biện đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế IOP trong danh mục Scopus.
- Số lượng sách đã xuất bản: 03 chương sách, thuộc nhà xuất bản quốc tế có uy tín Springer International Publishing; 01 chương sách, thuộc Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội; 03 chương sách, thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

15. Khen thưởng (các danh hiệu):

Năm học	Khen thưởng, Danh hiệu	Quyết định
2016-2017	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Quyết định số 3466/QĐ-ĐHNL-TCCB ngày 16/10/2017
2018-2019	Giấy khen của Hiệu trưởng	Quyết định số 2406/QĐ-ĐHNL-TCCB ngày 05/8/2019
2019-2020	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Quyết định số 2111/QĐ-ĐHNL-TCCB ngày 04/8/2020
2020-2021	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Quyết định số 3692/QĐ-ĐHNL-TCCB ngày 20/12/2021
2021-2022	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Quyết định số 3495/QĐ-ĐHNL-TCCB ngày 29/9/2022
	Chiến sĩ thi đua cấp Bộ	Quyết định số 1227/QĐ-BGDĐT ngày 28/4/2023
2022-2023	Giấy khen của Hiệu trưởng	Quyết định số 3676/QĐ-ĐHNL-TCCB ngày 09/10/2023
2023-2024	Giấy khen của Hiệu trưởng	Quyết định số 5608/QĐ-ĐHNL-TCCB ngày 17/12/2024

16. Kỷ luật: Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong quá trình công tác tại Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh, ứng viên luôn giữ vững phẩm chất đạo đức, lập trường chính trị và lối sống chuẩn mực trong công việc cũng như trong cuộc sống. Ứng viên nghiêm túc chấp hành các quy định của pháp luật, các quy định của Ngành giáo dục và của Nhà trường, đồng thời luôn ý thức giữ gìn uy tín, tác phong của giảng viên đại học.

Về chuyên môn, ứng viên đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ đào tạo ở đại học và sau đại học, từ giảng dạy các học phần đến hướng dẫn và đánh giá các đề tài khóa luận, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ. Ứng viên đồng thời tích cực tham gia xây dựng, cập nhật chương trình đào tạo, chú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của người học và yêu cầu phát triển của ngành.

Để hoàn thiện năng lực sư phạm và quản lý giáo dục theo quy định, ứng viên đã tham gia các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ và được cấp các chứng chỉ, chứng nhận, cụ thể:

- Chứng nhận bồi dưỡng phương pháp dạy học và đánh giá người học dựa trên chuẩn đầu ra (được cấp bởi Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục – ĐHQG TPHCM, 15/8/2024);
- Chứng nhận chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh Giảng viên chính hạng II (Học viện Quản lý Giáo dục, 16/11/2021);
- Chứng chỉ bồi dưỡng cán bộ quản lý khoa, phòng trong trường đại học, cao đẳng (Học viện Quản lý Giáo dục, 22/5/2019);
- Chứng chỉ bồi dưỡng chương trình Giáo dục học đại học cho giảng viên đại học, cao đẳng (Trường Cán bộ Quản lý Giáo dục và Đào tạo II, 04/8/2006).

Bên cạnh công tác giảng dạy, ứng viên cũng tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, đã chủ trì và tham gia nhiều đề tài nghiên cứu trong và ngoài nước, công bố kết quả trên các tạp chí khoa học cũng như tại các hội thảo trong nước và quốc tế. Theo thống kê trên Google Scholar, các công trình nghiên cứu của ứng viên hiện có 507 trích dẫn, với chỉ số H-index đạt 11 và i10-index đạt 13. Kết quả này thể hiện sự ghi nhận của cộng đồng khoa học quốc tế đối với những công bố khoa học của ứng viên.

Từ những kết quả nêu trên, ứng viên tự đánh giá bản thân cơ bản đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và thực hiện tốt các nhiệm vụ của nhà giáo, đồng thời sẵn sàng tiếp tục đóng góp cho sự phát triển của Nhà trường và Ngành giáo dục.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 14 năm 10 tháng (từ tháng 5/2004 đến tháng 9/2007 và từ tháng 02/2014 đến nay), không tính thời gian đi học NCS ở nước ngoài.

- Kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn GD trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn GD trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn GD quy đổi/số giờ chuẩn định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2017-2018	-	-	1	8	285	-	285/640,95/67,5
2	2018-2019	-	-	-	2	285	-	285/383,35/67,5
3	2019-2020	-	-	-	15	195	75	270/667,25/67,5
4	2020-2021	-	-	-	6	202,5	-	202,5/405/189
5	2021-2022	-	-	-	-	375	-	375/505,95/189
03 năm học cuối								
6	2022-2023	-	-	-	14	315	75	390/810,26/189
7	2023-2024	-	-	1	10	435	165	600/1161,81/189
8	2024-2025	-	-	2	-	480	225	705/1011,03/189

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HDGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước () - Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;*

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh và tiếng Đức

Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Bảo vệ luận văn ThS ☒ tại nước: CHLB Đức năm 2002

- Bảo vệ luận án TS ☒ tại nước: CHLB Đức năm 2013

3.2. Tiếng Anh : Ứng viên đã được đào tạo trực tiếp chương trình thạc sĩ tại Đại học Göttingen và tiến sĩ tại Đại học Hamburg, luận án tiến sĩ được viết bằng tiếng Anh. Bằng thạc sĩ và tiến sĩ do Đại học Göttingen và Đại học Hamburg, CHLB Đức cấp.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ 2014 đến 2025	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Gia Trinh		HVCH		x	Quyết định hướng dẫn số 3182/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 26/12/2013	Trường Đại học Nông Lâm TPHCM	Quyết định số 2592/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 11/9/2015
2	Nguyễn Thị Diệu Ánh		HVCH	x		Quyết định hướng dẫn số 300/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 16/02/2016	Trường Đại học Nông Lâm TPHCM	Quyết định số 2011/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 14/7/2017
3	Phạm Thanh Dung		HVCH	x		Quyết định hướng dẫn số 296/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 16/02/2016	Trường Đại học Nông Lâm TPHCM	Quyết định số 2012/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 14/7/2017
4	Dư Phúc Thịnh		HVCH		x	Quyết định hướng dẫn số 1177/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 06/5/2016	Trường Đại học Nông Lâm TPHCM	Quyết định số 2012/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 14/7/2017

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ 2014 đến 2025	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
5	Bùi Thế Hoài		HVCH		x	Quyết định hướng dẫn số 3403/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 04/11/2016	Trường Đại học Nông Lâm TPHCM	Quyết định số 3328/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 03/10/2017
6	Đoàn Văn Thắng		HVCH	x		Quyết định hướng dẫn số 1419/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 28/4/2023	Trường Đại học Nông Lâm TPHCM	Quyết định số 115/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 10/01/2024
7	Nguyễn Nhật Quang		HVCH	x		Quyết định hướng dẫn số 1712/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 06/5/2024	Trường Đại học Nông Lâm TPHCM	Quyết định số 178/QĐ-ĐHNL ngày 17/01/2025
8	Nguyễn Hữu Mạnh		HVCH	x		Quyết định hướng dẫn số 1890/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 14/5/2024	Trường Đại học Nông Lâm TPHCM	Quyết định số 2239/QĐ-ĐHNL ngày 28/5/2025

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận TS						
1.1	Bamboo: The Plant and its Uses (ISBN: 978-3-319-14133-6)	CK	Springer International Publishing, 2015	2		Chương 8. Properties of the Bamboo Culm (227-256)	-
1.2				2		Chương 9. Preservation and Drying of Bamboo (257-297)	
1.3				3		Chương 10. Utilization of Bamboo (299-346)	

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
2.1	Chuỗi giá trị và thương mại ngành hàng nông lâm sản Việt Nam: Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và khủng hoảng sinh thái (ISBN: 978-604- 369-407-9)	TK	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022	3		Chương 13. Tác động của UKVFTA đối với sự phát triển bền vững của ngành công nghiệp chế biến gỗ Việt Nam (290-304)	-
3.1	Tín chỉ các bon trên thế giới và Việt Nam: Từ lý thuyết đến thực tiễn (ISBN: 978-604- 0-45149-1)	TK	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2024	7		Chương 8. Tổng quan các dự án các-bon từ đất ngập nước và rừng ngập mặn trên toàn cầu (294-338)	-
3.2				3		Chương 9. Thị trường các-bon rừng tại Việt Nam: Cơ sở pháp lý, cơ hội và thách thức (339- 384)	
3.3				6		Chương 10. Thị trường các-bon xanh Việt Nam (385-470)	

Trong đó: Số lượng sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: Không.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Xử lý bảo quản chống mốc cho tre bằng chitosan	Đồng CN	Sở Khoa học và Công nghệ TPHCM	12/2008 - 3/2010	29/3/2010 Xếp loại Khá
2	Xây dựng qui trình công nghệ biến tính 03 loại gỗ (Cao su, Hồng, Điều) sử dụng trong xây dựng và sản xuất đồ mộc	Thành viên chính	Sở Khoa học và Công nghệ TPHCM	2004 - 2006	28/6/2006 Xếp loại Khá
II	Sau khi được công nhận TS				
3	Nghiên cứu công nghệ sản xuất ván dăm từ phế liệu tre và vỏ quả Cacao	CN	CS-CB16-LN-03 Trường Đại học Nông Lâm TPHCM	12/2016 - 11/2019	23/11/2019 Xếp loại Tốt
4	Xử lý bảo quản tre nguyên liệu bằng nhựa Dầu rái	CN	CS-CB20-LN-03 Trường Đại học Nông Lâm TPHCM	7/2020 - 10/2021	29/10/2021 Xếp loại Tốt
5	Nghiên cứu biến tính nhiệt dầu tự nhiên cho gỗ Thông sử dụng ngoài trời	CN	CS-CB23-LN-04 Trường Đại học Nông Lâm TPHCM	3/2023 - 02/2025	28/02/2025 Xếp loại Tốt
6	Đánh giá các chỉ số tác động môi trường và dấu vết cacbon trong sản xuất nhà gỗ thông	Thành viên chính	CS-CB24-LN-01 Trường Đại học Nông Lâm TPHCM	6/2024 - 5/2025	27/5/2025 Xếp loại Tốt
7	The Sustainable Wetlands Adaptation and Mitigation Program – <i>Chương trình Giảm nhẹ và Thích ứng Đất ngập nước Bền vững (SWAMP):</i> - Work package 1. Economic study with willingness to pay – <i>Hợp phần 1. Nghiên cứu mức sẵn lòng chi trả cho dịch vụ môi trường rừng</i> - Work package 2. Mangrove restoration potential in Vietnam – <i>Hợp phần 2. Nghiên cứu về tiềm năng phục hồi rừng ngập mặn tại Việt Nam</i>	CN	Đề tài hợp tác quốc tế Trường Đại học Nông Lâm TPHCM (NLU) – Trung tâm Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR)	3 - 12/2021	27/12/2021

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
8	Effectiveness of Environmental Policies in Addressing Wildlife Trade and Implication for Future Covid Prevention in Vietnam – <i>Đánh giá hiệu quả của chính sách môi trường trong việc quản lý và phòng tránh mua bán động vật hoang dã và vận dụng cho việc ngăn ngừa Covid trong tương lai ở Việt Nam</i>	CN	Đề tài hợp tác quốc tế NLU – CIFOR	4 - 8/2021	31/8/2021
9	FTA Flagship Project 4: Landscape dynamics, productivity and resilience – <i>Dự án Chủ lực 4 FTA: Quản lý cảnh quan đa mục đích, đảm bảo năng suất và khả năng phục hồi</i>	CN	Đề tài hợp tác quốc tế NLU – CIFOR	10 - 12/2021	20/12/2021
10	Mobilizing sustainable finance for effective implementation of National Program on Coastal Forest management and protection to response to Climate Change and promote green growth 2021-2030 and Vietnam Forestry Development Strategy 2021-2030, vision to 2050 – <i>Huy động tài chính bền vững để thực hiện có hiệu quả Chương trình Quốc gia về quản lý, bảo vệ Rừng ven biển nhằm ứng phó với Biến đổi khí hậu và thúc đẩy tăng trưởng xanh 2021-2030 và Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050</i>	CN	Đề tài hợp tác quốc tế NLU – CIFOR	3 - 12/2022	31/12/2022
11	Applying of i-Trees program for training current and future workforce on planning, monitoring urban forestry – <i>Ứng dụng chương trình i-Tree trong đào tạo nguồn nhân lực hiện tại và tương lai về quy hoạch, giám sát lâm nghiệp đô thị</i>	CN	Đề tài hợp tác quốc tế NLU – Cục Lâm nghiệp Hoa Kỳ (USFS)	3 - 9/2023	30/9/2023

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
12	Mainstreaming Wetlands into the Climate Agenda: A multi-level approach (SWAMP II) – <i>Lồng ghép đất ngập nước vào chính sách biến đổi khí hậu: Phương pháp tiếp cận đa ngành</i>	CN	Đề tài hợp tác quốc tế NLU – CIFOR	5 - 9/2023	15/9/2023
13	CIFOR Climate Collective SE Asia, This project addresses challenges in Vietnam's blue carbon market and policy arena: as part of the UBS Climate Collective – <i>Hỗ trợ thích ứng và giảm thiểu khí hậu tại Đông Nam Á: Tìm kiếm giải pháp hỗ trợ các khó khăn trong việc xây dựng và vận hành các dự án các bon xanh tại Việt Nam</i>	CN	Đề tài hợp tác quốc tế NLU – CIFOR	5 - 12/2024	15/12/2024
14	Defining the potential for mangrove-based agribusiness transformation in the coastal Mekong Delta – <i>Xác định tiềm năng chuyển đổi các mô hình kinh doanh dựa vào rừng ngập mặn ở các vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long</i>	CN	Đề tài hợp tác quốc tế NLU – Đại học Adelaide – Đại học Flinders – ACIAR, Úc	5/2024 - 9/2025	Đã hoàn thành một hợp phần và các hợp phần khác đang thực hiện

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Environment-friendly short-term protection of bamboo against molding	3	x	<i>Journal of the Timber Development Association of India</i> (ISSN: 0040-7755)		13	55, 8-17	2009

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
2	Protection of Bamboo by Environment-friendly Chemicals against Short-term Molding	3	x	<i>VIII World Bamboo Congress Proceedings</i> (ISSN: 2150-1165)		2	9, 55-62	9/2009
3	Pressure treatment of bamboo culms of three Vietnamese species with boron and CCB preservatives	2	x	<i>Journal of Bamboo and Rattan</i> (e-ISSN: 1569-1594 ISSN: 0973-4449)	Scopus (SJR: 0.115, H: 18)	14	10, 1&2, 63-76	2011
4	Investigation on optimisation of kiln drying of the bamboo species <i>Bambusa stenostachya</i> , <i>Dendrocalamus asper</i> and <i>Thyrostachys siamensis</i>	4	x	<i>Bamboo Science and Culture: The Journal of the American Bamboo Society</i> (ISSN: 0197-3789)		9	25, 1, 27-35	2012
5	Protection of bamboo against mould using environment-friendly chemicals	3	x	<i>Journal of Tropical Forest Science</i> (e-ISSN: 2521-9847 ISSN: 0128-1283)	SCIE, Scopus (Q2, IF: 0.537, SJR: 0.321, H: 40)	30	24, 2, 285-290	4/2012
6	Bamboo and fungi	4		<i>Journal of Bamboo and Rattan</i> (e-ISSN: 1569-1594 ISSN: 0973-4449)	Scopus (SJR: 0.115, H: 18)	25	12, 1-4, 1-14	2013

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
7	Kiln drying for bamboo culm parts of the species <i>Bambusa stenostachya</i> , <i>Dendrocalamus asper</i> and <i>Thyrsostachys siamensis</i>	3	x	<i>Journal of the Indian Academy of Wood Science</i> (e-ISSN: 0976-8432 ISSN: 0972-172X)	ESCI, Scopus (Q4, IF: 0.5, SJR: 0.208, H: 19)	17	10, 1, 26-31	4/2013
8	Kết quả nghiên cứu đặc tính cơ, lý của tre Tầm vòng	2		<i>Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm Nghiệp</i> (ISSN: 1859-1523)			2/2006, 34-36	6/2006
9	Nghiên cứu các yếu tố công nghệ biến tính 3 loại gỗ (Cao su, Điều, Hồng) sử dụng trong xây dựng và sản xuất đồ mộc	2		<i>Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm Nghiệp</i> (ISSN: 1859-1523)			1/2011, 55-63	3/2011
10	Nhân giống tre Tầm vòng (<i>Thyrsostachys siamensis</i> Gamble) bằng phương pháp giâm hom	4		<i>Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm Nghiệp</i> (ISSN: 1859-1523)			3/2013, 77-80	9/2013
II	Sau khi được công nhận TS							
11	Fungal colonization and protection of bamboo culms and palm wood – a review	5		<i>Zeitschrift für Mykologie</i> (ISSN: 0170-110X)		5	81/1, 57-80	2015
12	Investigation on pulping of cocoa pod husks	2	x	<i>Journal of Agricultural Science and Technology</i> (ISSN: 1859-1523)			6/2016, 25-29	12/2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
13	Fungal resistance of plywood produced from Beech veneers treated with N-methylol melamine compounds and alkyl ketene dimer	2		<i>Journal of Agricultural Science and Technology</i> (ISSN: 1859-1523)			6/2017, 8-15	12/2017
14	Optimizing DNA extraction condition from wood using response surface methods	3		<i>Vietnam Journal of Science and Technology</i> (e-ISSN: 2815-5874 ISSN: 2525-2518)		1	55, 6, 725-733	12/2017
15	Mould resistance of the bamboo <i>Thyrostachys siamensis</i> treated with chitosan	2	x	<i>The Journal of Agriculture and Development</i> (e-ISSN: 2615-949X ISSN: 2615-9503)		1	18, 3, 16-20	6/2019
16	Optimum condition of manufacturing hybrid particleboard from mixture of cocoa pod husk and bamboo particles	3	x	<i>The Journal of Agriculture and Development</i> (e-ISSN: 2615-949X ISSN: 2615-9503)			18, 3, 10-15	6/2019
17	Genetic classification of Vietnamese cacao cultivars assessed by SNP and SSR markers	10		<i>Tree Genetics and Genomes</i> (e-ISSN: 1614-2950)	SCIE, Scopus (Q1, IF: 2.39, SJR: 0.735, H: 75)	11	16, 3, 43	5/2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
18	Investigation on producing single-layer particleboard from bamboo waste and cocoa pod husks	2	x	<i>Journal of Forestry Science and Technology</i> (ISSN: 2615-9368)			9, 136-141	9/2020
19	The effect of weathering on wood and its protection	3		<i>Journal of Forestry Science and Technology</i> (ISSN: 2615-9368)		2	11, 118-127	9/2021
20	Perceptions of wood-processing industries on FLEGT implementation: Insights from Vietnam	9		<i>Forest Policy and Economics</i> (e-ISSN: 1872-7050 ISSN: 1389-9341)	SCIE, SSCI, Scopus (Q1, IF: 4.13, SJR: 1.057, H: 92)	6	132, 102592	9/2021
21	Effect of oleoresin heat treatment on mechanical and physical properties of the bamboo <i>Thyrsostachys siamensis</i>	2	x	<i>Journal of Forestry Science and Technology</i> (ISSN: 2615-9368)			12, 106-115	12/2021
22	Mould resistance of the bamboo <i>Thyrsostachys siamensis</i> treated with oleoresin heat	3	x	<i>Journal of Forestry Science and Technology</i> (ISSN: 2615-9368)			13, 103-108	5/2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
23	Policymaker perceptions of COVID-19 impacts, opportunities and challenges for sustainable wildlife farm management in Vietnam	9		<i>Environmental Science and Policy</i> (e-ISSN: 1873-6416)	SCIE, Scopus (Q1, IF: 6.0, SJR: 1.678, H: 160)	5	136, 497-509	7/2022
24	COVID-19 impacts, opportunities and challenges for wildlife farms in Binh Duong and Ba Ria Vung Tau, Vietnam	10		<i>Global Ecology and Conservation</i> (e-ISSN: 2351-9894)	SCIE, Scopus (Q1, IF: 4.34, SJR: 1.045, H: 80)	4	40, e02314	10/2022
25	Ảnh hưởng của một số yếu tố công nghệ xử lý bằng nano ZnO đến một số tính chất gỗ Điều	3		<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp</i> (ISSN: 1859-3828)		1	7, 124-132	10/2022
26	Phân vùng sinh thái rừng với các chức năng dịch vụ hệ sinh thái cho vùng Bảy Núi, tỉnh An Giang	6		<i>Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn</i> (ISSN: 1859-4581)			14, 82-91	7/2023
27	Nghiên cứu sử dụng gỗ cao su và gỗ dừa để sản xuất gỗ kỹ thuật phục vụ cho sản xuất đồ mộc	4		<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp</i> (ISSN: 1859-3828)			12, 5, 133-142	10/2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
28	Nghiên cứu chế độ xử lý gỗ điều bằng hạt nano ZnO để sản xuất	4		<i>Rừng và Môi trường</i> (ISSN: 1859-1248)			119, 109-114	10/2023
29	Properties of low molecular weight phenol formaldehyde – treated bamboo composite	6		<i>Journal of Forestry Science and Technology</i> (ISSN: 2615-9368)			8, 2, 159-164	11/2023
30	Optimization of soda cooking for cellulose production from sugarcane bagasse	3	x	<i>The Journal of Agriculture and Development</i> (e-ISSN: 2615-949X ISSN: 2615-9503)			23, SI 2, 14-24	12/2024
31	Nghiên cứu một số thông số công nghệ chế tạo vật liệu composite từ sợi tàu dừa với chất nền là nhựa Phenol-Formaldehyde	3	x	<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp</i> (ISSN: 1859-3828)			13, 6, 105-112	12/2024
32	Multistakeholder forums in the Mekong Delta, Vietnam: Stakeholders' perspectives regarding their outcomes and effectiveness for low-emission food systems	8		<i>World Development Perspectives</i> (e-ISSN: 2452-2929)	ESCI, Scopus (Q1, IF: 2.2, SJR: 0.665, H: 27)		37, 100661	01/2025

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
33	Policy forum: Opportunities and challenges for Vietnamese companies to source sustainable timber from Africa, and implications for future implementation of the EU deforestation regulation	3	x	<i>Forest Policy and Economics</i> (e-ISSN: 1872-7050 ISSN: 1389-9341)	SCIE, SSCI, Scopus (Q1, IF: 4.0, SJR: 1.205, H: 92)	1	Vol. 170, Article no. 103387	01/2025
34	Ảnh hưởng của tỷ lệ phối trộn cellulose vi khuẩn và tỷ lệ xơ sợi dài đến độ chịu bức và độ bền nén vòng của giấy carton	5	x	<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp</i> (ISSN: 1859-3828)			14, 1, 138-145	02/2025
35	Mould and Termite Resistance of Heat Treated Loblolly Pine Wood (<i>Pinus taeda</i>) and Rubberwood (<i>Hevea brasiliensis</i>) in Mixture of Oleoresin and Used Cooking Oil	2	x	<i>European Journal of Science, Innovation and Technology</i> (e-ISSN: 2786-4936)			5, 1, 292-304	3/2025

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
36	Carbon footprint analysis of a prefabricated wooden house in Vietnam	3	x	<i>IOP Conference Series: Earth and Environmental Science</i> (ISBN: 9798331317386 e-ISSN: 1755-1315 ISSN: 1755-1307)	Scopus (SJR: 0.214, H: 58)		Vol. 1465, No. 1, Article no. 012006	3/2025
37	Effects of natural oleoresin heat treatment on the improvement of some physical and mechanical properties of loblolly pine wood (<i>Pinus taeda</i>)	2	x	<i>IOP Conference Series: Earth and Environmental Science</i> (ISBN: 9798331317386 e-ISSN: 1755-1315 ISSN: 1755-1307)	Scopus (SJR: 0.214, H: 58)		Vol. 1465, No. 1, Article no. 012011	3/2025
38	Đặc tính cơ lý của ván dăm sản xuất từ vỏ Sầu riêng và gỗ Cao su	2	x	<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp</i> (ISSN: 1859-3828)			14, 2, 160-167	4/2025
39	Nghiên cứu xây dựng quy trình tạo vật liệu composite 3 lớp có khả năng tiêu âm, cách nhiệt từ ván MDF và xốp XPS	9		<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp</i> (ISSN: 1859-3828)			14, 2, 168-176	4/2025
40	Ảnh hưởng thông số công nghệ đến tính chất giấy bao gói từ bột giấy tái chế OCC và cellulose vi khuẩn từ thạch dừa	2	x	<i>Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp</i> (ISSN: 1859-0373)			2, 123-128	4/2025

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
41	Optimization of natural oleoresin and waste cooking oil heat treatment conditions for rubberwood using response surface methodology	2	x	<i>Journal of the Indian Academy of Wood Science</i> (e-ISSN: 0976-8432 ISSN: 0972-172X)	ESCI, Scopus (Q3, IF: 0.5, SJR: 0.225, H: 19)		Vol. 22, No. 1, 243-252	5/2025
42	Investigation of Particleboard Production from Durian Husk and Bamboo Waste	2	x	<i>Journal of Composites Science</i> (e-ISSN: 2504-477X)	ESCI, Scopus (Q1, IF: 3.0, SJR: 0.652, H: 49)		Vol. 9, No. 6, Article no. 276	5/2025
43	Ảnh hưởng của thông số công nghệ ép đến tính chất cơ lý của vật liệu ván tổ hợp từ MDF và gỗ ghép thanh Bò đề	2	x	<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp</i> (ISSN: 1859-3828)			14, 3, 166-176	6/2025
44	Ảnh hưởng của điều kiện xử lý nhiệt dầu đến một số tính chất cơ lý của gỗ Keo lai	3	x	<i>Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp</i> (ISSN: 1859-0373)			4, 125-132	6/2025

- Trong đó là tác giả chính sau TS của 03 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín gồm các bài báo số [33], [41], [42], và 02 bài báo số [36], [37] có phản biện đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế IOP trong danh mục Scopus.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Cập nhật chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2021, Trường Đại học Nông Lâm TPHCM	Ủy viên Ban Chỉ đạo	Quyết định số 2617/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 15/9/2021	Trường Đại học Nông Lâm TPHCM	Quyết định số 3740/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 22/12/2021	
2	Rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học năm 2022, Trường Đại học Nông Lâm TPHCM	Ủy viên Ban Chỉ đạo rà soát, đánh giá và cập nhật	Kế hoạch số 759/KH-ĐHNL-ĐT ngày 25/3/2022	Trường Đại học Nông Lâm TPHCM	Quyết định số 3670/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 10/10/2022	
3	Cập nhật chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ năm 2024 của Khoa Lâm nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm TPHCM: (1) Thạc sĩ Lâm học và Thạc sĩ Kỹ thuật chế biến lâm sản, (2) Tiến sĩ Lâm sinh và Tiến sĩ Kỹ thuật chế biến lâm sản	Trưởng Ban Cập nhật chương trình	Quyết định số 496/QĐ-ĐHNL-TCCB ngày 20/02/2024	Trường Đại học Nông Lâm TPHCM	Quyết định số 3222/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 02/8/2024	
4	Cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học năm 2024, Trường Đại học Nông Lâm TPHCM	Ủy viên Ban Tổ chức cập nhật chương trình	Quyết định số 1404/QĐ-ĐHNL-TCCB ngày 16/4/2024	Trường Đại học Nông Lâm TPHCM	Quyết định số 3319/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 08/8/2024	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học thay thế: Không.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Tăng Thị Kim Hồng